

Số: **4378**/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày **18** tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật tỉnh Hải Dương, giai đoạn 2018 -2021

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 2726/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2015 của UBND tỉnh Hải Dương ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 126/QĐ-TTg ngày 25/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật thống nhất trong cả nước kỳ 2014-2018;

Căn cứ Kế hoạch số 522/KH-UBND ngày 01/03/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về thực hiện hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hải Dương kỳ 2014-2018;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật tỉnh Hải Dương giai đoạn 2018 - 2021 (có Đề án kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Đề án nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật tỉnh Hải Dương giai đoạn 2018 - 2021 đúng thời gian, tiến độ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /...*tr*

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- LĐ UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể;
- Lưu: VT, NCA

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Dương Thái

ĐỀ ÁN

**Nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật
tỉnh Hải Dương giai đoạn 2018 - 2021**
(Kèm theo Quyết định số ~~4578~~ ⁴⁵⁷⁸ /QĐ- UBND ngày 28 tháng 11 năm 2018
của UBND tỉnh Hải Dương)

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Cơ sở chính trị

Ngày 04 tháng 4 năm 2016, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 01-KL/TW về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020. Một trong những nhiệm vụ và giải pháp được nêu trong Kết luận là: “Kịp thời ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh; quan tâm công tác giải thích pháp luật; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật; phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời mọi hành vi vi phạm pháp luật; rà soát, hệ thống hóa, pháp điển hóa văn bản quy phạm pháp luật”;

Đồng thời, để tổ chức thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trên, Bộ Chính trị yêu cầu: “Các Tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất trong cán bộ, đảng viên, sự đồng thuận trong nhân dân đối với các chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng và thi hành pháp luật; lãnh đạo, chỉ đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan tư pháp địa phương, tăng cường trách nhiệm trong tổ chức thi hành pháp luật; gắn công tác này với việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.”.

1.2. Cơ sở pháp lý

Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản QPPL quy định trách nhiệm của UBND các cấp trong việc bảo đảm nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và kinh phí cho công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL tại địa phương. Trong đó, nội dung tổ chức thực hiện văn bản QPPL tập trung vào những vấn đề cụ thể như: Xây dựng kế hoạch tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật; Tổ chức thực hiện chính sách, biện pháp trong văn bản quy phạm pháp luật; Ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật; Tập huấn công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; Bảo đảm cơ sở vật chất, kinh phí, tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực để triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật...

Sau khi Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015 có hiệu lực thi hành, ngày 11/9/2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015. Trong đó giao UBND cấp tỉnh xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai thi hành Luật ban hành văn bản QPPL tại địa phương đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

Đồng thời, nhằm thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 19/11/2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 28/CT-TTg về việc triển khai thi hành Luật ban hành văn bản QPPL. Theo quy định tại khoản 7 của Chỉ thị, Chủ tịch UBND tỉnh có trách nhiệm:

- + Tổ chức thi hành Luật ban hành văn bản QPPL trên phạm vi địa phương mình; tổ chức tốt việc quán triệt nội dung và tinh thần của Luật bằng các hình thức, biện pháp phù hợp cho cán bộ, công chức ở địa phương;

- + Trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng văn bản QPPL, đặc biệt là công tác xây dựng chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND và chịu trách nhiệm về chất lượng, thời gian trình đề nghị, dự thảo văn bản thuộc trách nhiệm của UBND cấp tỉnh;

- + Chỉ đạo việc lập chuyên mục lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan mình để tiếp nhận ý kiến đóng góp của cơ quan, tổ chức, cá nhân về chính sách, trong đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND và dự thảo văn bản thuộc trách nhiệm của UBND cấp tỉnh. Tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học và các đối tượng chịu sự điều chỉnh trực tiếp của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND và dự thảo văn bản QPPL dưới các hình thức phù hợp, nhất là đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND cấp tỉnh và dự thảo văn bản QPPL liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của công dân, doanh nghiệp;

- + Kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật, theo hướng chuyên nghiệp; điều động, luân chuyển cán bộ, công chức có năng lực, trình độ để làm công tác xây dựng pháp luật, đảm bảo cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật có đủ về biên chế và năng lực, trình độ theo yêu cầu. Ít nhất mỗi năm một lần tổ chức bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng cần thiết cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật, pháp chế;

- + Bảo đảm đủ kinh phí cho hoạt động xây dựng chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND do UBND trình, soạn thảo, thẩm định; thẩm tra dự thảo văn bản QPPL, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL và hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL ở địa phương.

Thực hiện Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015 và hướng dẫn, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tư pháp, UBND tỉnh Hải Dương đã xây dựng và ban hành Quyết định số 2726/QĐ-UBND ngày 23/10/2015 ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 ban hành Quy chế phối hợp rà soát, hệ thống hóa, cập nhật trên Cơ sở dữ liệu

quốc gia về pháp luật văn bản của HĐND, UBND tỉnh; Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 ban hành Quy định về xây dựng, ban hành, kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND tỉnh Hải Dương nhằm từng bước đưa công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL đi vào nề nếp, góp phần tích cực cho công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp ở địa phương.

Tuy nhiên, qua đánh giá sơ kết 03 năm thực hiện Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015, bên cạnh những kết quả đã đạt được vẫn còn những tồn tại, hạn chế nhất định như: các cơ quan được giao tham mưu soạn thảo văn bản chưa phân biệt được giữa văn bản QPPL và văn bản hành chính nên có trường hợp văn bản hành chính thì ban hành dưới hình thức văn bản QPPL, còn văn bản chứa QPPL thì ban hành dưới hình thức văn bản hành chính; một số văn bản ban hành chưa đúng về thẩm quyền (*chủ yếu là thẩm quyền về nội dung*); nội dung văn bản chưa phù hợp với quy định của pháp luật, một số văn bản nội dung quy định nhiều khi không sát hợp, thiếu tính thuyết phục, tính dự báo và tiên liệu thấp; thể thức, kỹ thuật trình bày, ngôn ngữ soạn thảo văn bản chưa đạt yêu cầu...

Để đảm bảo việc triển khai thực hiện Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015 trên địa bàn tỉnh đạt chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm, góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế xã hội của địa phương, UBND tỉnh ban hành Đề án “*Nâng cao chất lượng ban hành văn bản QPPL tỉnh Hải Dương giai đoạn 2018 - 2021*”.

2. Thực trạng công tác xây dựng văn bản QPPL tỉnh Hải Dương

2.1. Những kết quả đạt được trong công tác ban hành văn bản QPPL

Ngay sau khi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 có hiệu lực thi hành (*thay thế Luật ban hành văn bản QPPL của HĐND và UBND năm 2004*), UBND tỉnh đã ban hành ban hành 3 văn bản (*bao gồm 2 quyết định QPPL và 01 quyết định hành chính*) để triển khai thi hành Luật và cụ thể hóa những quy định về trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp với tình hình thực tế địa phương. Đồng thời, chỉ đạo Sở Tư pháp tham mưu giúp UBND tỉnh ban hành danh mục văn bản QPPL do UBND tỉnh ban hành quy định chi tiết, biện pháp thi hành những nội dung được luật giao...

Kết quả, từ 01/7/2016 (*ngày Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015 có hiệu lực*) đến 31/7/2018 HĐND và UBND các cấp trong tỉnh đã ban hành 1.858 văn bản (*trong đó HĐND, UBND tỉnh ban hành 133 văn bản, HĐND, UBND cấp huyện ban hành 120 văn bản, HĐND, UBND cấp xã ban hành 1.605 văn bản*). Các văn bản do địa phương ban hành đa số đều tuân thủ trình tự, thủ tục ban hành VBQPPL, đảm bảo về thẩm quyền, nội dung và thể thức kỹ thuật trình bày văn bản. Thông qua hoạt động ban hành VBQPPL đã giúp cho các cấp chính quyền có sự nhận thức đúng, đầy đủ hơn đối với công tác này, văn bản ban hành thực sự góp phần quan trọng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực thi nhiệm vụ được giao trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước tại địa phương, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh công tác xây dựng, ban hành VBQPPL, trong thời gian qua, công tác kiểm tra, rà soát văn bản luôn được các cấp, các ngành quan tâm, chú trọng thực hiện. Để đảm bảo thực hiện tốt công tác này, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL trên địa bàn tỉnh, trong đó, xác định rõ trách nhiệm của Sở Tư pháp, trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trong công tác kiểm tra, rà soát văn bản. Đồng thời, thành lập các đoàn kiểm tra để thực hiện kiểm tra văn bản trực tiếp tại địa bàn các huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn trong tỉnh.

Từ năm 2016 đến 31/7/2018, Sở Tư pháp phối hợp với các sở, ban, ngành giúp UBND tỉnh tự kiểm tra 125 quyết định do UBND tỉnh ban hành. Thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền đối với 220 văn bản (*VBQPPL: 96, văn bản áp dụng pháp luật 124*) do HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã ban hành. Qua kiểm tra phát hiện 92 văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, chủ yếu là những vi phạm về căn cứ pháp lý, thể thức kỹ thuật trình bày văn bản. Các văn bản có dấu hiệu trái pháp luật đều được thông báo đến cơ quan ban hành văn bản xử lý theo quy định. Thông qua hoạt động kiểm tra văn bản đã góp phần giúp cho hoạt động ban hành VBQPPL trên địa bàn tỉnh được đồng bộ, thống nhất, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính khả thi của văn bản trong thực tiễn, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước bằng pháp luật ở địa phương.

2.2. Những tồn tại, hạn chế trong công tác ban hành văn bản QPPL

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh Hải Dương thời gian qua vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, thể hiện rõ nhất ở chất lượng một số văn bản chưa đảm bảo, cụ thể như:

Vẫn còn một số văn bản chưa phù hợp với quy định của pháp luật (văn bản quy định những nội dung không được văn bản cơ quan nhà nước cấp trên giao, quy định những nội dung trái với nội dung trong văn bản pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên...); Một số văn bản có nội dung không sát hợp, thiếu tính thuyết phục, tính dự báo và tiên liệu thấp, không đáp ứng yêu cầu phát triển của tình hình thực tế địa phương (*chủ yếu là các văn bản liên quan đến các cơ chế, chính sách hỗ trợ*), có những văn bản mới thông qua đã phải sửa, gây khó khăn trong việc hiểu, giải thích, áp dụng một cách thống nhất và đầy đủ văn bản pháp luật; Một số văn bản còn sai về thể thức, kỹ thuật trình bày (*sử dụng và trình bày không đúng về căn cứ pháp lý ban hành văn bản; quy định sai về hiệu lực thi hành của văn bản, trình bày các điều khoản trong văn bản chưa phù hợp...*), ngôn ngữ sử dụng trong văn bản đôi khi chưa chính xác và đúng với quy định của pháp luật hiện hành; văn bản chứa QPPL nhưng lại được ban hành bằng hình thức văn bản hành chính và ngược lại văn bản không chứa QPPL nhưng lại được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL.

Ngoài ra, việc ban hành văn bản để cụ thể hóa những nội dung được văn bản cấp trên giao đôi khi còn chậm (*có những văn bản của Trung ương ban hành đã có hiệu lực thi hành, nhưng một năm sau địa phương mới ban hành văn bản để cụ thể hóa*).

2.3. Nguyên nhân

2.3.1. Nguyên nhân về nhận thức và thể chế:

- Lãnh đạo một số sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan chưa nhận thức đầy đủ và quán triệt sâu sắc việc xây dựng ban hành văn bản QPPL là nhiệm vụ chung của UBND, là chức năng cơ bản trong quản lý nhà nước tại địa phương.

- Trong quá trình soạn thảo một số sở, ngành và địa phương chưa thành lập Ban soạn thảo hoặc tổ soạn thảo, chưa chú trọng tổng kết đánh giá thực tiễn thi hành văn bản QPPL, đánh giá tác động của chính sách đối với dự thảo văn bản được phân công.

- Thiếu cơ chế phối hợp trong quá trình soạn thảo văn bản QPPL, sự tham gia của cơ quan tư pháp, cán bộ pháp chế và các cơ quan, đơn vị có liên quan ngay từ khâu đầu soạn thảo văn bản QPPL.

2.3.2. Nguyên nhân trong tổ chức xây dựng dự thảo văn bản QPPL:

- Việc xây dựng và ban hành văn bản QPPL chưa tuân thủ trình tự, thủ tục theo Luật ban hành văn bản QPPL.

- Cơ quan chủ trì chưa xin ý kiến đầy đủ của các đối tượng chịu sự điều chỉnh của văn bản QPPL hoặc chưa nghiêm túc tiếp thu ý kiến đóng góp dẫn đến nội dung dự thảo văn bản QPPL chưa phản ánh hết tính toàn diện, đồng bộ.

- Công tác thẩm định nhiều khi còn hình thức, chưa có tính phản biện, lập luận khoa học. Nội dung thẩm định, thẩm tra chưa đáp ứng yêu cầu mang tính chất chuyên sâu. Thậm chí vẫn còn trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo không gửi thẩm định văn bản QPPL trước khi trình cơ quan có thẩm quyền ký, thông qua.

2.3.3. Nguyên nhân về đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng văn bản QPPL.

Số lượng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng văn bản QPPL còn mỏng; đội ngũ cán bộ pháp chế các sở, ngành chủ yếu là kiêm nhiệm. Thậm chí có cán bộ chưa được đào tạo cơ bản, chuyên sâu về kiến thức pháp luật, phân tích, đánh giá chính sách và kỹ thuật xây dựng văn bản QPPL.

2.3.4. Nguyên nhân về thời gian, kinh phí.

- Thời gian xây dựng, lấy ý kiến công khai các dự thảo văn bản QPPL, kể cả thời gian gửi hồ sơ thẩm định chưa đảm bảo theo quy định của Luật.

- Kinh phí giành cho công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL còn rất hạn chế, chưa có quy định thù lao xứng đáng đối với những tổ chức, cá nhân có ý kiến giá trị vào các dự thảo văn bản QPPL.

II. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL của tỉnh Hải Dương đảm bảo đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, trọng tâm là phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN. Tiếp cận, thực hiện nghiêm túc và đổi mới căn bản cơ chế xây dựng và thực hiện pháp luật phù hợp với

thẩm quyền và tình hình cụ thể tại địa phương; phát huy vai trò và hiệu lực của hệ thống văn bản QPPL được ban hành theo thẩm quyền để góp phần "*huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; phát triển kinh tế nhanh và bền vững, xây dựng Hải Dương sớm trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại về phát triển công nghiệp, dịch vụ, y tế và giáo dục - đào tạo*"¹.

2. Mục tiêu cụ thể:

Đến hết năm 2021, công tác ban hành văn bản QPPL phần đầu đạt và duy trì các mục tiêu sau đây:

- Hoàn thiện thể chế về công tác xây dựng và ban hành văn bản QPPL của tỉnh Hải Dương;

- 100% các văn bản QPPL do địa phương ban hành đảm bảo trình tự, thủ tục phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương;

- 100% các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh có cán bộ pháp chế chuyên trách; 100% cơ quan Tư pháp cấp tỉnh, huyện và UBND cấp xã kiện toàn được đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu, xây dựng văn bản QPPL;

- 100% đội ngũ cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ tham mưu xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL ở cả 3 cấp (*tỉnh, huyện, xã*) được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ;

- Phần đầu thực hiện đạt 100% văn bản QPPL còn hiệu lực thi hành qua các thời kỳ theo quy định được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;

- Hoàn thành việc biên soạn, in ấn, phát hành tài liệu về nghiệp vụ xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL và Tập hệ thống hoá văn bản QPPL kỳ 2014- 2018;

- Nâng cao cơ sở vật chất, cơ chế chính sách đối với người làm công tác xây dựng văn bản QPPL được đảm bảo.

III. NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

Để nâng cao hiệu quả thực hiện Đề án, các nội dung, giải pháp và tiến độ thực hiện có thể được tiến hành song song, lồng ghép hoặc xen kẽ, hỗ trợ nhau trong suốt thời gian thực hiện Đề án thông qua các hoạt động sau:

1.1. Xây dựng và hoàn thiện thể chế liên quan đến công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL

1.1.1. Nội dung:

- Căn cứ kết quả tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW, Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị² và để tạo thuận lợi cho việc triển khai Luật ban hành văn bản QPPL có hiệu lực từ 01/7/2016, tham mưu ban hành 01 Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoặc của Chủ tịch UBND tỉnh về công tác

¹ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020.

² Kết luận số 01-KL/TW ngày 04/4/2016 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.

xây dựng và ban hành văn bản QPPL nhằm định hướng tiếp tục thực hiện các mục tiêu hoàn thiện hệ thống pháp luật đến năm 2020.

- Tổ chức kiểm tra, rà soát các văn bản QPPL hiện hành; đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản QPPL bảo đảm thi hành hiệu quả Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp ban hành văn bản QPPL trong đó cụ thể hoá các nội dung như việc thành lập Ban soạn thảo hoặc Tổ soạn thảo, đánh giá thực tiễn thi hành văn bản QPPL, đánh giá tác động chính sách hoặc lấy ý kiến đối với đối tượng chịu sự tác động của văn bản.

1.1.2. Trách nhiệm thực hiện:

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp, UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành

1.1.3. Tiến độ thực hiện: Trong thời gian thực hiện Đề án.

1.2. Kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL

1.2.1. Nội dung:

- Rà soát, củng cố đội ngũ cán bộ công chức thuộc Sở Tư pháp trực tiếp giúp HĐND, UBND tỉnh thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL.

- Rà soát, củng cố tổ chức pháp chế, đội ngũ cán bộ làm công tác pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh phù hợp điều kiện địa phương.

- Củng cố đội ngũ cán bộ tư pháp cấp huyện, cấp xã; bố trí đủ nhân lực theo số biên chế được giao đảm bảo thực hiện nhiệm vụ ban hành văn bản QPPL tại địa phương.

- Rà soát, kiện toàn đảm bảo số lượng, chất lượng đội ngũ cộng tác viên kiểm tra văn bản tại địa phương.

1.2.2. Trách nhiệm thực hiện:

- Cơ quan chủ trì: Các sở, ngành, HĐND và UBND các huyện, thành phố, thị xã.

- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ, Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan.

1.2.3. Tiến độ thực hiện: Trong giai đoạn thực hiện Đề án.

1.3. Đảm bảo việc thực hiện nghiêm túc các quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL.

1.3.1. Nội dung:

- Duy trì và kiểm soát chặt chẽ việc xây dựng, ban hành văn bản QPPL theo đúng trình tự, thủ tục của Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Hướng dẫn, đôn đốc, chỉ đạo việc xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL kịp thời, thống nhất trong phạm vi toàn tỉnh.

1.3.2. Trách nhiệm thực hiện:

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp

- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành; HĐND và UBND cấp huyện, cấp xã.

1.3.3. Tiến độ thực hiện: Thường xuyên

1.4. Nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL

1.4.1. Nội dung:

- Tổ chức khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ tham mưu xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ xây dựng dự thảo, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL.

- Tổ chức tập huấn chuyên sâu về nghiệp vụ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL.

1.4.2. Trách nhiệm thực hiện:

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành; HĐND và UBND cấp huyện, cấp xã.

1.4.3. Tiến độ thực hiện: Hàng năm trong giai đoạn thực hiện Đề án.

1.5. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL

1.5.1. Nội dung:

- Tổ chức khảo sát, đánh giá chất lượng hệ thống văn bản QPPL của tỉnh.

- Tổ chức các hội nghị chuyên đề về Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 nhằm đánh giá, trao đổi, rút kinh nghiệm thực tiễn công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản. Đề cao trách nhiệm của cơ quan chủ trì, phối hợp xây dựng văn bản QPPL; phát huy dân chủ trong xây dựng pháp luật; tăng cường kiểm soát chất lượng văn bản QPPL.

- Tiến hành rà soát, hệ thống hoá tất cả các văn bản QPPL từ 01/01/2014 đến hết 31/12/2018; Ban hành Tập hệ thống hoá văn bản QPPL của tỉnh kỳ 2014-2018.

- Biên soạn tài liệu chuyên đề về nghiệp vụ xây dựng văn bản và các tình huống kiểm tra, xử lý văn bản QPPL từ thực tiễn công tác tại địa phương.

1.5.2. Trách nhiệm thực hiện:

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành; HĐND và UBND cấp huyện, cấp xã.

1.5.3. Tiến độ thực hiện: Năm 2019 và các năm tiếp theo.

1.6. Rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu pháp luật của tỉnh vào cơ sở dữ liệu pháp luật Quốc gia

1.6.1. Nội dung:

- Tổ chức thực hiện Quy chế phối hợp trong việc cung cấp văn bản QPPL để cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Kịp thời kiểm tra, rà soát, thu thập, cập nhật hệ thống văn bản QPPL cấp tỉnh trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật đảm bảo phục vụ tra cứu, áp dụng, thi hành.

1.6.2. Trách nhiệm thực hiện:

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp
- Cơ quan phối hợp: Văn phòng HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh

1.6.3. Tiến độ thực hiện: Hoàn thiện việc cập nhật văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành trong năm 2019. Các năm tiếp theo thực hiện cập nhật thường xuyên.

1.7. Xây dựng cơ chế đảm bảo cơ sở vật chất, kinh phí cho công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL.

1.7.1 Nội dung:

- Đảm bảo cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL các cấp.
- Thẻ chế hoá mức chi cho công tác xây dựng, thẩm định, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương. Đảm bảo kinh phí phục vụ công tác này do ngân sách nhà nước cấp vào dự toán hàng năm của cơ quan, đơn vị địa phương theo phân cấp hiện hành.

1.7.2. Trách nhiệm thực hiện:

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố
- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan

1.7.3. Tiến độ thực hiện: Thường xuyên

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Sở Tư pháp

- Trực tiếp hoặc phối hợp tham mưu xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để thực hiện Đề án theo từng giai đoạn;
- Chủ trì, phối hợp cùng Sở Nội vụ và các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện kế hoạch khảo sát, đánh giá thực trạng về tình hình tổ chức, hoạt động pháp chế tại các sở, ngành; rà soát, củng cố kiện

toàn nguồn nhân lực trong công tác xây dựng chính sách, pháp luật; khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ xây dựng văn bản dài hạn, hàng năm; xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL.

- Chủ trì biên soạn tài liệu, cẩm nang hướng dẫn nghiệp vụ về công tác soạn thảo, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL; hoàn thiện và ban hành Tập hệ thống hoá văn bản QPPL tỉnh Hải Dương để cung cấp cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng văn bản, chính sách.

- Chủ trì, phối hợp cùng Sở Tài chính dự toán, sử dụng và quản lý kinh phí thực hiện Đề án hàng năm theo đúng quy định của pháp luật.

- Giúp UBND tỉnh triển khai, đôn đốc thực hiện các nội dung của Đề án; tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh kết quả việc thực hiện Đề án theo tiến độ các nội dung cụ thể. Tập hợp những khó khăn, vướng mắc và kịp thời đề xuất UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

2. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Tư pháp, các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát, khảo sát để có biện pháp, hướng dẫn củng cố, kiện toàn nguồn nhân lực trong công tác xây dựng, ban hành chính sách, văn bản QPPL.

3. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Tư pháp xây dựng dự toán kinh phí hàng năm đảm bảo triển khai thực hiện Đề án; hướng dẫn UBND cấp huyện bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước đảm bảo các điều kiện cho công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL ở cấp huyện, cấp xã; bố trí nguồn kinh phí cho công tác bồi dưỡng nguồn nhân lực xây dựng chính sách, văn bản QPPL toàn tỉnh.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý, sử dụng kinh phí cho công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản pháp luật.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế độc lập về kinh phí thẩm định văn bản QPPL; cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL; tăng cường cơ sở vật chất cho bộ phận trực tiếp làm công tác thẩm định văn bản QPPL.

4. Văn phòng UBND tỉnh

- Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan chuyên môn khảo sát thông tin làm căn cứ cho việc củng cố, kiện toàn tổ chức và hoạt động của công tác pháp chế; xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL;

- Phối hợp với Sở Tư pháp trong việc hướng dẫn các sở, ngành, địa phương thực hiện đúng trình tự, thủ tục xây dựng văn bản QPPL; Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp trong việc lập danh mục chương trình xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh; Theo dõi và đôn đốc các sở,

ngành, UBND cấp huyện đảm bảo tiến độ, thời gian trong việc tham mưu xây dựng văn bản QPPL theo chương trình, danh mục đã đăng ký.

- Cung cấp văn bản quy phạm cho cơ quan Tư pháp thực hiện cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định.

5. Các sở, ban, ngành có liên quan

- Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác pháp chế theo quy định; bồi dưỡng, nâng cao năng lực soạn thảo, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản theo lĩnh vực, chuyên ngành đáp ứng tiêu chuẩn, yêu cầu, nhiệm vụ.

- Thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản QPPL. Chủ động kiểm tra, rà soát văn bản theo thẩm quyền và lĩnh vực nhiệm vụ được giao.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Tư pháp trong việc tham mưu xử lý văn bản theo quy định về kiểm tra, xử lý văn bản QPPL.

- Chủ động xây dựng dự toán kinh phí xây dựng văn bản QPPL hàng năm; đảm bảo sử dụng kinh phí theo đúng quy định.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng kế hoạch chi tiết để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án;

- Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Đề án ở các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

- Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình phối hợp với Sở Tư pháp triển khai thực hiện Đề án.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Nguồn kinh phí thực hiện Đề án do ngân sách nhà nước bảo đảm và nguồn kinh phí huy động tài trợ khác (nếu có).

2. Căn cứ nhiệm vụ tại Đề án này, các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ được giao, tổng hợp vào dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt./. *lsh*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Dương Thái